TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 617/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 26/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 17/9/2023

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT1796	Nguyễn Công Tiến	Anh	01/06/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG015857	CNTT/23/3143	Đạt	
2	CNTT1797	Nguyễn Kim	Anh	23/10/2004	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG015858	CNTT/23/3144	Đạt	
3	CNTT1798	Phạm Thị Mai	Anh	05/12/2005	Bắc Ninh	Nữ	7,0	5,5	DBG015859	CNTT/23/3145	Đạt	
4	CNTT1799	Trần Nhật	Anh	20/10/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,7	6,5	DBG015860	CNTT/23/3146	Đạt	
5	CNTT1800	Nguyễn Ngọc	Ánh	02/03/2006	Bắc Ninh	Nữ	7,0	6,0	DBG015861	CNTT/23/3147	Đạt	
6	CNTT1801	Nguyễn Thị	Ánh	13/08/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,5	6,0	DBG015862	CNTT/23/3148	Đạt	
7	CNTT1802	Dương Hoài	Ân	26/10/2006	Hồ Chi Minh	Nam	6,5	6,0	DBG015863	CNTT/23/3149	Đạt	
8	CNTT1803	Nguyễn Hữu	Bình	22/10/2006	Bắc Ninh	Nam	7,2	6,0	DBG015864	CNTT/23/3150	Đạt	
9	CNTT1804	Nguyễn Văn	Bình	20/02/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG015865	CNTT/23/3151	Đạt	
10	CNTT1805	Ngô Đình	Chiến	21/03/2006	Bắc Ninh	Nam	7,2	5,5	DBG015866	CNTT/23/3152	Đạt	
11	CNTT1806	Nguyễn Trung	Chiến	21/07/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG015867	CNTT/23/3153	Đạt	
12	CNTT1807	Nguyễn Thị	Chúc	24/11/2005	Bắc Ninh	Nữ	7,0	5,5	DBG015868	CNTT/23/3154	Đạt	
13	CNTT1808	Nguyễn Phương	Công	15/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG015869	CNTT/23/3155	Đạt	
14	CNTT1809	Nguyễn Đăng	Cương	05/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,0	DBG015870	CNTT/23/3156	Đạt	
15	CNTT1810	Nguyễn Văn	Cường	10/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG015871	CNTT/23/3157	Đạt	
16	CNTT1811	Nguyễn Thị	Diệu	21/08/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,0	6,5	DBG015872	CNTT/23/3158	Đạt	
17	CNTT1812	Phạm Thị Thùy	Dung	05/07/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,5	DBG015873	CNTT/23/3159	Đạt	
18	CNTT1813	Vũ Tiến Tấn	Dũng	16/07/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	7,0	DBG015874	CNTT/23/3160	Đạt	
19	CNTT1814	Nguyễn Như	Dương	01/07/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,0	DBG015875	CNTT/23/3161	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT1815	Phan Văn	Dương	07/04/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,0	DBG015876	CNTT/23/3162	Đạt	
21	CNTT1816	Lê Mạnh	Đại	29/08/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG015877	CNTT/23/3163	Đạt	
22	CNTT1817	Nguyễn Bá	Đạt	24/12/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG015878	CNTT/23/3164	Đạt	
23	CNTT1818	Nguyễn Hữu	Đạt	02/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG015879	CNTT/23/3165	Đạt	
24	CNTT1819	Nguyễn Văn	Đạt	04/11/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,5	DBG015880	CNTT/23/3166	Đạt	
25	CNTT1820	Nguyễn Văn	Đạt	06/07/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG015881	CNTT/23/3167	Đạt	
26	CNTT1821	Phan Bá Thành	Đạt	25/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG015882	CNTT/23/3168	Đạt	
27	CNTT1822	Chu Văn	Đoàn	05/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG015883	CNTT/23/3169	Đạt	
28	CNTT1823	Nguyễn Thế	Giang	11/03/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,5	DBG015884	CNTT/23/3170	Đạt	
29	CNTT1824	Phùng Tiến	Hải	21/12/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG015885	CNTT/23/3171	Đạt	
30	CNTT1825	Nguyễn Minh	Hiếu	09/12/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	DBG015886	CNTT/23/3172	Đạt	
31	CNTT1826	Trần Văn	Hiếu	29/12/2006	Bắc Ninh	Nam	7,2	5,5	DBG015887	CNTT/23/3173	Đạt	
32	CNTT1827	Nguyễn Thị	Hòa	25/09/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,0	DBG015888	CNTT/23/3174	Đạt	
33	CNTT1828	Nguyễn Văn	Hòa	24/07/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG015889	CNTT/23/3175	Đạt	
34	CNTT1829	Trần Thị Thu	Hoài	20/09/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,5	5,5	DBG015890	CNTT/23/3176	Đạt	
35	CNTT1830	Nguyễn Chí	Hoàng	28/05/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG015891	CNTT/23/3177	Đạt	
36	CNTT1831	Nguyễn Văn	Hùng	09/04/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,5	DBG015892	CNTT/23/3178	Đạt	
37	CNTT1832	Nguyễn Thị Thu	Huyền	27/01/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,0	5,5	DBG015893	CNTT/23/3179	Đạt	
38	CNTT1833	Nguyễn Kim	Huynh	20/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,0	DBG015894	CNTT/23/3180	Đạt	
39	CNTT1834	Nguyễn Kim	Hưng	23/07/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG015895	CNTT/23/3181	Đạt	
40	CNTT1835	Nguyễn Thị	Hương	24/05/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,0	DBG015896	CNTT/23/3182	Đạt	
41	CNTT1836	Nguyễn Thị Thu	Hương	04/10/2006	Bắc Ninh	Nữ	7,0	6,0	DBG015897	CNTT/23/3183	Đạt	
42	CNTT1837	Ngô Duy	Khang	09/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	DBG015898	CNTT/23/3184	Đạt	
43	CNTT1838	Nguyễn Tuấn	Khanh	24/03/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG015899	CNTT/23/3185	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT1839	Hoàng Minh	Khoa	19/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG015900	CNTT/23/3186	Đạt	
45	CNTT1840	Vũ Thị Minh	Khuê	12/09/2006	Bắc Ninh	Nữ	7,0	5,5	DBG015901	CNTT/23/3187	Đạt	
46	CNTT1841	Nguyễn Đình	Kiên	05/04/2006	Bình Dương	Nam	6,2	6,0	DBG015902	CNTT/23/3188	Đạt	
47	CNTT1842	Nguyễn Kim	Kiên	08/04/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG015903	CNTT/23/3189	Đạt	
48	CNTT1843	Trần Bá	Kiệt	15/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG015904	CNTT/23/3190	Đạt	
49	CNTT1844	Ngô Tùng	Lâm	09/09/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,5	DBG015905	CNTT/23/3191	Đạt	
50	CNTT1845	Nguyễn Bá	Lâm	25/03/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG015906	CNTT/23/3192	Đạt	
51	CNTT1846	Nguyễn Đức	Lâm	18/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG015907	CNTT/23/3193	Đạt	
52	CNTT1847	Nguyễn Văn	Lâm	03/08/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG015908	CNTT/23/3194	Đạt	
53	CNTT1848	Nguyễn Văn	Lập	06/02/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG015909	CNTT/23/3195	Đạt	
54	CNTT1849	Nguyễn Thị	Linh	01/01/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,7	6,0	DBG015910	CNTT/23/3196	Đạt	
55	CNTT1850	Nguyễn Thị Phương	Linh	18/12/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,5	5,5	DBG015911	CNTT/23/3197	Đạt	
56	CNTT1851	Nguyễn Văn	Linh	25/09/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG015912	CNTT/23/3198	Đạt	
57	CNTT1852	Vũ Văn	Linh	16/12/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	DBG015913	CNTT/23/3199	Đạt	
58	CNTT1853	Nguyễn Thị Kiều	Loan	25/05/2006	Sóc Trăng	Nữ	6,2	6,0	DBG015914	CNTT/23/3200	Đạt	
59	CNTT1854	Nguyễn Văn	Long	17/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG015915	CNTT/23/3201	Đạt	
60	CNTT1855	Phan Thành	Long	31/03/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG015916	CNTT/23/3202	Đạt	
61	CNTT1856	Trần Danh	Long	17/04/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG015917	CNTT/23/3203	Đạt	
62	CNTT1857	Vũ Văn	Long	01/09/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG015918	CNTT/23/3204	Đạt	
63	CNTT1858	Nguyễn Văn	Luân	05/01/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	DBG015919	CNTT/23/3205	Đạt	
64	CNTT1859	Nguyễn Công	Minh	26/04/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG015920	CNTT/23/3206	Đạt	
65	CNTT1861	Đặng Đức	Nam	01/05/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG015921	CNTT/23/3207	Đạt	
66	CNTT1862	Trương Hải	Nam	19/03/2006	Bắc Ninh	Nam	7,2	6,0	DBG015922	CNTT/23/3208	Đạt	
67	CNTT1863	Đỗ Thị Kim	Ngân	13/12/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	DBG015923	CNTT/23/3209	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT1864	Nguyễn Văn	Nghiệp	09/04/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	DBG015924	CNTT/23/3210	Đạt	
69	CNTT1865	Xuân Đình	Nguyễn	20/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG015925	CNTT/23/3211	Đạt	
70	CNTT1866	Hà Thị Bé	Nhi	13/05/2006	Sóc Trăng	Nữ	6,0	5,5	DBG015926	CNTT/23/3212	Đạt	
71	CNTT1867	Ngô Thị Ngọc	Nhi	26/01/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,7	6,0	DBG015927	CNTT/23/3213	Đạt	
72	CNTT1868	Cáp Thị Kim	Oanh	18/10/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,0	6,0	DBG015928	CNTT/23/3214	Đạt	
73	CNTT1869	Nguyễn Đình	Phú	21/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG015929	CNTT/23/3215	Đạt	
74	CNTT1870	Phạm Văn	Phúc	15/12/2005	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,5	DBG015930	CNTT/23/3216	Đạt	
75	CNTT1871	Nguyễn Hoàng	Quang	19/04/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG015931	CNTT/23/3217	Đạt	
76	CNTT1872	Nguyễn Thành	Quân	02/08/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,0	DBG015932	CNTT/23/3218	Đạt	
77	CNTT1873	Nguyễn Văn	Quyền	31/03/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG015933	CNTT/23/3219	Đạt	
78	CNTT1874	Nguyễn Văn	Sáng	20/04/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG015934	CNTT/23/3220	Đạt	
79	CNTT1875	Nguyễn Thị Huyền	Sâm	25/09/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,7	5,0	DBG015935	CNTT/23/3221	Đạt	
80	CNTT1876	Nguyễn Thị	Son	02/09/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,5	5,0	DBG015936	CNTT/23/3222	Đạt	
81	CNTT1877	Nguyễn Thế	Tài	16/03/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,5	DBG015937	CNTT/23/3223	Đạt	
82	CNTT1878	Vũ Văn	Tài	01/02/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG015938	CNTT/23/3224	Đạt	
83	CNTT1879	Phạm Trọng	Thảnh	28/08/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG015939	CNTT/23/3225	Đạt	
84	CNTT1880	Nguyễn Thế	Thảo	12/08/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,5	DBG015940	CNTT/23/3226	Đạt	
85	CNTT1881	Nguyễn Thị	Thảo	23/01/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,5	6,5	DBG015941	CNTT/23/3227	Đạt	
86	CNTT1882	Vũ Thị	Thắm	07/12/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,7	6,0	DBG015942	CNTT/23/3228	Đạt	
87	CNTT1883	Nguyễn Đình	Thắng	28/03/2006	Bắc Ninh	Nam	7,2	6,0	DBG015943	CNTT/23/3229	Đạt	
88	CNTT1884	Nguyễn Kim	Thịnh	19/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG015944	CNTT/23/3230	Đạt	
89	CNTT1885	Ngô Anh	Thư	02/09/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	DBG015945	CNTT/23/3231	Đạt	
90	CNTT1886	Hoàng Văn	Tiến	06/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG015946	CNTT/23/3232	Đạt	
91	CNTT1887	Nguyễn Văn	Tiến	05/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG015947	CNTT/23/3233	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
92	CNTT1888	Nguyễn Đức	Tiệp	28/06/2006	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	DBG015948	CNTT/23/3234	Đạt	
93	CNTT1889	Nguyễn Duy	Tính	16/09/2006	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	DBG015949	CNTT/23/3235	Đạt	
94	CNTT1890	Nguyễn Thị	Tình	25/08/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,5	DBG015950	CNTT/23/3236	Đạt	
95	CNTT1891	Nguyễn Đức	Toàn	24/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG015951	CNTT/23/3237	Đạt	
96	CNTT1892	Nguyễn Thị Thu	Trang	07/11/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	DBG015952	CNTT/23/3238	Đạt	
97	CNTT1893	Nguyễn Thu	Trang	23/02/2006	Bắc Ninh	Nữ	7,0	6,0	DBG015953	CNTT/23/3239	Đạt	
98	CNTT1894	Nguyễn Thế	Trọng	30/04/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG015954	CNTT/23/3240	Đạt	
99	CNTT1895	Nguyễn Nhân	Trung	10/07/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,0	DBG015955	CNTT/23/3241	Đạt	
100	CNTT1896	Sử Thành	Trung	26/06/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG015956	CNTT/23/3242	Đạt	
101	CNTT1897	Nguyễn Hữu	Trường	09/09/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	DBG015957	CNTT/23/3243	Đạt	
102	CNTT1898	Nguyễn Văn	Trường	30/11/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG015958	CNTT/23/3244	Đạt	
103	CNTT1899	Nguyễn Việt	Trường	13/08/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG015959	CNTT/23/3245	Đạt	
104	CNTT1900	Nguyễn Kim Mạnh	Tuấn	08/10/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,0	DBG015960	CNTT/23/3246	Đạt	
105	CNTT1901	Nguyễn Minh	Tuấn	08/05/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,5	DBG015961	CNTT/23/3247	Đạt	
106	CNTT1902	Nguyễn Quang	Tùng	17/09/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG015962	CNTT/23/3248	Đạt	
107	CNTT1903	Phan Duy	Tùng	24/12/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,0	DBG015963	CNTT/23/3249	Đạt	
108	CNTT1904	Nguyễn Anh	Văn	23/01/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG015964	CNTT/23/3250	Đạt	
109	CNTT1905	Trần Danh	Văn	22/03/2006	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG015965	CNTT/23/3251	Đạt	
110	CNTT1906	Nguyễn Đức	Vinh	15/02/2006	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG015966	CNTT/23/3252	Đạt	
111	CNTT1907	Nguyễn Trọng	Vương	11/09/2004	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,0	DBG015967	CNTT/23/3253	Đạt	
112	CNTT1908	Nguyễn Văn	Vương	05/12/2006	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG015968	CNTT/23/3254	Đạt	
113	CNTT1909	Lê Phan Quốc	Vượng	21/07/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	DBG015969	CNTT/23/3255	Đạt	
114	CNTT1910	Trần Thị Hoài	Anh	30/12/1997	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG015970	CNTT/23/3256	Đạt	
115	CNTT1911	Dương Thị	Bích	01/12/1977	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG015971	CNTT/23/3257	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
116	CNTT1912	Lê Thị	Bích	06/04/1978	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG015972	CNTT/23/3258	Đạt	
117	CNTT1913	Nguyễn Thị	Châm	08/08/1997	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG015973	CNTT/23/3259	Đạt	
118	CNTT1914	Lý Ty	Doóng	16/05/1980	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG015974	CNTT/23/3260	Đạt	
119	CNTT1915	Nguyễn Thị	Dung	11/08/1988	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,0	DBG015975	CNTT/23/3261	Đạt	
120	CNTT1916	Đỗ Văn	Duy	02/10/1978	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG015976	CNTT/23/3262	Đạt	
121	CNTT1917	Nguyễn Thị Vĩnh	Hà	01/11/1976	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG015977	CNTT/23/3263	Đạt	
122	CNTT1918	Đàm Thị Bích	Hạnh	20/09/1982	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG015978	CNTT/23/3264	Đạt	
123	CNTT1919	Đỗ Thị Hương	Hảo	07/09/1993	Bắc Ninh	Nữ	8,2	8,0	DBG015979	CNTT/23/3265	Đạt	
124	CNTT1920	Nguyễn Thị	Hiên	23/07/1990	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,5	DBG015980	CNTT/23/3266	Đạt	
125	CNTT1921	Nguyễn Thị	Liên	22/12/1976	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG015981	CNTT/23/3267	Đạt	
126	CNTT1922	Hoàng Thị Ngọc	Mai	21/12/1988	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG015982	CNTT/23/3268	Đạt	
127	CNTT1923	Thân Đức	Mạnh	22/01/1998	Bắc Giang	Nam	8,2	8,5	DBG015983	CNTT/23/3269	Đạt	
128	CNTT1924	Nguyễn Thị	Minh	08/10/1997	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG015984	CNTT/23/3270	Đạt	
129	CNTT1925	Trương Minh	Nam	15/10/1989	Bắc Giang	Nam	8,0	7,5	DBG015985	CNTT/23/3271	Đạt	
130	CNTT1926	Nguyễn Thị Thuý	Nga	09/11/1999	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,0	DBG015986	CNTT/23/3272	Đạt	
131	CNTT1927	Tăng Thị Thanh	Nga	20/05/1995	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG015987	CNTT/23/3273	Đạt	
132	CNTT1928	Nguyễn Thị	Ngà	27/04/1991	Bắc Giang	Nữ	8,5	8,0	DBG015988	CNTT/23/3274	Đạt	
133	CNTT1929	Bùi Thị	Nguyệt	09/06/1992	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,5	DBG015989	CNTT/23/3275	Đạt	
134	CNTT1930	Nguyễn Thu	Phương	11/01/1979	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG015990	CNTT/23/3276	Đạt	
135	CNTT1931	Nguyễn Văn	Thành	19/06/1987	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	DBG015991	CNTT/23/3277	Đạt	
136	CNTT1932	Nguyễn Văn	Thành	23/02/1987	Bắc Ninh	Nam	7,5	7,0	DBG015992	CNTT/23/3278	Đạt	
137	CNTT1933	Nguyễn Thị	Thảo	10/05/1999	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,5	DBG015993	CNTT/23/3279	Đạt	
138	CNTT1934	Vũ Đức	Thịnh	30/05/1977	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG015994	CNTT/23/3280	Đạt	
139	CNTT1935	Lô Thị	Thùy	13/12/1988	Nghệ An	Nữ	7,5	7,0	DBG015995	CNTT/23/3281	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
140	CNTT1937	Nguyễn Thị	Tình	19/10/1980	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,0	DBG015996	CNTT/23/3282	Đạt	
141	CNTT1938	Lại Thu	Trang	06/04/1994	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG015997	CNTT/23/3283	Đạt	
142	CNTT1939	Nguyễn Văn	Bình	10/11/1973	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	DBG015998	CNTT/23/3284	Đạt	
143	CNTT1940	Nguyễn Văn	Duy	24/05/1981	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	DBG015999	CNTT/23/3285	Đạt	
144	CNTT1941	Vũ Khắc	Đoàn	14/12/1971	Bắc Ninh	Nam	7,7	8,0	DBG016000	CNTT/23/3286	Đạt	
145	CNTT1942	Đông Phương Hồng	Giang	08/01/1976	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG016001	CNTT/23/3287	Đạt	
146	CNTT1943	Trần Văn	Giang	20/04/1986	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	DBG016002	CNTT/23/3288	Đạt	
147	CNTT1944	Trần Thị	Hà	25/03/1981	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG016003	CNTT/23/3289	Đạt	
148	CNTT1945	Đoàn Ngọc	Hạnh	25/10/1980	Bắc Giang	Nam	7,7	8,0	DBG016004	CNTT/23/3290	Đạt	
149	CNTT1946	Nguyễn Thị	Hằng	20/05/1975	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,5	DBG016005	CNTT/23/3291	Đạt	
150	CNTT1947	Trần Thị	Huấn	23/04/1981	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG016006	CNTT/23/3292	Đạt	
151	CNTT1948	Hoàng Quang	Hùng	12/04/1979	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	DBG016007	CNTT/23/3293	Đạt	
152	CNTT1949	Nông Thị	Huyên	02/09/1976	Bắc Giang	Nữ	7,2	7,0	DBG016008	CNTT/23/3294	Đạt	
153	CNTT1950	Trần Thị	Hương	24/02/1987	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG016009	CNTT/23/3295	Đạt	
154	CNTT1951	Phạm Thị	Mai	23/11/1984	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG016010	CNTT/23/3296	Đạt	
155	CNTT1952	Phạm Thị	Ngân	20/03/1989	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,5	DBG016011	CNTT/23/3297	Đạt	
156	CNTT1953	Vi Văn	Ngọc	20/04/1977	Bắc Giang	Nam	7,7	8,0	DBG016012	CNTT/23/3298	Đạt	
157	CNTT1954	Nguyễn Văn	Nguyên	31/12/1987	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	DBG016013	CNTT/23/3299	Đạt	
158	CNTT1955	Nịnh Văn	Nguyên	10/06/1988	Bắc Giang	Nam	8,2	7,5	DBG016014	CNTT/23/3300	Đạt	
159	CNTT1956	Phạm Thị	Nhung	12/03/1988	Phú Thọ	Nữ	8,0	7,0	DBG016015	CNTT/23/3301	Đạt	
160	CNTT1957	Giáp Văn	Phương	12/03/1984	Bắc Giang	Nam	8,5	8,0	DBG016016	CNTT/23/3302	Đạt	
161	CNTT1958	Phạm Văn	Sang	13/09/1986	Bắc Giang	Nam	8,0	8,0	DBG016017	CNTT/23/3303	Đạt	
162	CNTT1959	Ngô Thị	Thảo	25/10/1977	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG016018	CNTT/23/3304	Đạt	
163	CNTT1960	Hỷ Văn	Thắng	13/02/1985	Bắc Giang	Nam	7,7	7,0	DBG016019	CNTT/23/3305	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
164	CNTT1961	Nguyễn Minh	Thi	12/07/1985	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,5	DBG016020	CNTT/23/3306	Đạt	
165	CNTT1962	Nguyễn Văn	Thuận	12/11/1982	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	DBG016021	CNTT/23/3307	Đạt	
166	CNTT1963	Hoàng Văn	Tiến	23/06/1979	Bắc Giang	Nam	7,7	7,0	DBG016022	CNTT/23/3308	Đạt	
167	CNTT1964	Trần Thị	Trang	02/01/1989	Bắc Ninh	Nữ	8,0	7,5	DBG016023	CNTT/23/3309	Đạt	
168	CNTT1965	Nguyễn Văn	Tý	13/09/1977	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	DBG016024	CNTT/23/3310	Đạt	
169	CNTT1966	Lý Văn	Vinh	17/06/1983	Bắc Giang	Nam	8,2	7,0	DBG016025	CNTT/23/3311	Đạt	
170	CNTT1967	Nguyễn Hồng	Xuyên	04/09/1986	Bắc Giang	Nam	7,7	7,0	DBG016026	CNTT/23/3312	Đạt	

Danh sách có 170 thí sinh./.